

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý,
khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND
ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công không theo phương thức tập trung, mua sắm tài sản công là vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công; thu hồi; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, SỬ DỤNG, XỬ LÝ, KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công không theo phương thức tập trung:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công là nhà và đất, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); xe ô tô; tài sản công đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên theo đề nghị của cơ quan chuyên môn.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

đ) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này) quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 200 triệu đồng.

2. Thẩm quyền mua sắm tài sản công là vật tiêu hao:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

đ) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này) quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 200 triệu đồng.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thuê tài sản là nhà, đất; xe ô tô phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản là nhà, đất; xe ô tô phục vụ hoạt động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản là nhà, đất; xe ô tô phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản quyết định thuê tài sản khác.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công là nhà, đất; xe ô tô; tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi

quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này) quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là nhà, đất; xe ô tô.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).
3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).
4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là nhà, đất; xe ô tô; quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp sau:
 - a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
 - b) Giữa cấp tỉnh và cấp huyện;
 - c) Giữa các huyện, thị xã, thành phố;
 - d) Giữa cấp tỉnh và cấp xã;
 - đ) Giữa các xã, phường, thị trấn thuộc 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định (trừ nhà, đất)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản cố định là xe ô tô và tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng trở lên/01 lần bán.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bán.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bán.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bán.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản cố định quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng/01 lần bán.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản cố định (trừ đất)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định là xe ô tô.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản cố định là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản cố định là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế

toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản cố định là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản cố định quyết định thanh lý tài sản cố định (trừ nhà, công trình gắn liền với đất; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản cố định (trừ nhà, đất; xe ô tô)

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định tiêu hủy tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng trở lên/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định xử lý tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện trong trường hợp tài sản

bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản cố định quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) sau khi hoàn thành việc thi công dự án.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có

thẩm quyền theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Khi có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện:

a) Thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm b, c, đ khoản 1 Điều 7 Quy định này hết hiệu lực thi hành.

b) Thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 4; khoản 3 Điều 5; khoản 3 Điều 6; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 8; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 11 Quy định này hết hiệu lực thi hành.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý.